

FINDING THE BEAUTY OF SELF-RELIANCE IN NGUYEN BINH KHIEM'S POEMS

Dinh Thi Huong

Posts and Telecommunications Institute of Technology

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 12/11/2023 Revised: 18/12/2023 Published: 18/12/2023	Studying the beauty of self-reliance in Nguyen Binh Khiem's poetry will clarify more about his personality, indirectly affirming and praising a very important quality of each individual in particular and a nation in particular. shared. Survey, comparison, analysis and argumentation methods are used in this study. From the concept of the quality of self-reliance in the Kinh Dich and Chinese literature, selecting typical verses of Nguyen Binh Khiem, analysis and comparative arguments, this study clarifies interesting things about hidden beauty. of the self-reliant qualities of his leisurely lifestyle. In addition, explanations about the expression of this quality through traditional symbols and through the author's self-reliant lifestyle and elegant pleasures, arguments about circumstances and living conditions are presented. Nurturing the qualities of self-reliance and comments on the value of self-reliance are also the main results of this study, contributing to suggestions for further research and study about Nguyen Binh Khiem.

KEYWORDS

Self-reliance
 Nguyen Binh Khiem's poems
 Continuous self-reliance
 Self-reliant symbol
 The gentlemen is self-reliant

ĐI TÌM VẺ ĐẸP PHẨM CHẤT TỰ CƯỜNG QUA THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Dinh Thị Hương

Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 12/11/2023 Ngày hoàn thiện: 18/12/2023 Ngày đăng: 18/12/2023	Nghiên cứu về đẹp của phẩm chất tự cường trong thơ Nguyễn Bình Khiêm sẽ làm rõ thêm về con người của ông, gián tiếp khẳng định và ca ngợi thêm về một phẩm chất rất quan trọng của mỗi cá nhân nói riêng và một dân tộc nói chung. Phương pháp khảo sát, so sánh, phân tích và lập luận được sử dụng trong nghiên cứu này. Từ quan niệm về phẩm chất tự cường trong Kinh Dịch và văn học Trung Quốc, chọn những câu thơ tiêu biểu của Nguyễn Bình Khiêm, phân tích và lập luận so sánh, nghiên cứu này làm rõ những điều thú vị về vẻ đẹp tiềm ẩn của phẩm chất tự cường trong lối sống nhàn của ông. Ngoài ra, những lí giải về sự thể hiện của phẩm chất này thông qua các biểu tượng có tính truyền thống và thông qua lối sống tự lực cùng những thú vui tao nhã của tác giả, những lập luận về hoàn cảnh và điều kiện sinh dưỡng phẩm chất tự cường, những nhận định về giá trị của sự tự cường cũng là những kết quả chính ở nghiên cứu này, góp phần gợi ý cho việc nghiên cứu và học tập tiếp theo về Nguyễn Bình Khiêm.

TỪ KHÓA

Phẩm chất tự cường
 Thơ Nguyễn Bình Khiêm
 "Tự cường bất tức"
 Biểu tượng tự cường
 Quân tử tự cường

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9191>

Email: huongdt@ptit.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

165

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Con người và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm sẽ còn là đề tài gợi hứng thú cho nhiều nhà nghiên cứu. Các tài liệu nghiên cứu trước cũng đã thể hiện được nhiều nội dung quan trọng như các câu chuyện về danh nhân Nguyễn Bình Khiêm, tư tưởng và lối sống nhàn dật của ông, cảm hứng thế sự và những nội dung triết lí, cảm hứng Phật giáo, tư tưởng thân dân, đặc điểm ngôn ngữ thơ, đạo thầy trò... Những tài liệu dạng sách có thể được kể đến là *Truyện danh nhân Nguyễn Bình Khiêm* của Bùi Văn Nguyên [1], *Nguyễn Bình Khiêm – danh nhân lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Bích Ngọc [2], *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm* do Đinh Gia Khánh chủ biên [3], *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm – Thơ văn chữ Hán* do Bùi Văn Nguyên chọn dịch, chú thích và giới thiệu [4]... Những tài liệu là bài báo khoa học được viết gần đây có thể được kể đến là *Nguyễn Bình Khiêm với Bạch Vân quốc ngữ thi tập: các hình thức diễn đạt về sự ẩn dật* của Lê Văn Tấn [5], *Tư tưởng thân dân trong thơ Nguyễn Bình Khiêm* của Đinh Thị Phương Thu [6], *Sự phát triển của tiếng Việt văn học thế kỷ XVI qua cái nhìn đối sánh giữa "Quốc âm thi tập" của Nguyễn Trãi với "Bạch Vân quốc ngữ thi" của Nguyễn Bình Khiêm* do Nguyễn Kim Châu viết [7], *Cảm quan Thiền Phật trong thơ Nguyễn Bình Khiêm* của Nguyễn Công Lý [8], *Thơ triết lí của Nguyễn Bình Khiêm trong dòng chảy văn học Trung đại* do Lê Thị Hương viết [9], *Đạo sư đồ qua văn tế Nguyễn Bình Khiêm của Đình Thời Trung* do Đinh Thị Hương viết [10]...

Về phẩm chất tự cường, chúng ta có thể dễ dàng tra cứu trên mạng điện tử của Việt Nam các bài viết về tính tự lực tự cường của người Việt hiện nay, các biện pháp khơi dậy ý chí tự lực tự cường, sự học tập phẩm chất tự lực tự cường theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh... Các bài viết đó tập trung vào việc gắn phẩm chất tự cường của cả dân tộc với thời đại hiện nay, không đề cập đến vấn đề phẩm chất tự cường của bậc quân tử trong xã hội phong kiến trong khi quan niệm tự cường trong xã hội phong kiến chủ yếu dành cho hình tượng cá nhân quân tử. Vì vậy, việc nghiên cứu về phẩm chất tự cường qua thơ văn Nguyễn Bình Khiêm có thể giúp chúng ta đưa ra nhận định rõ hơn về phẩm chất tự cường trong xã hội phong kiến và cũng góp phần thể hiện rõ hơn những đặc điểm về thơ và con người Nguyễn Bình Khiêm.

2. Phương pháp nghiên cứu

Qua việc lựa chọn những giai thoại tiêu biểu, khảo sát những tác phẩm thơ chữ Hán và thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm đã được dịch, tuyển lựa những câu thơ và tác phẩm có liên quan đến sự thể hiện phẩm chất tự cường của Nguyễn Bình Khiêm, so sánh với hình tượng quân tử tự cường trong Kinh Dịch và hệ thống biểu tượng cho sự tự cường trong văn học cổ điển Trung Quốc, kế thừa một số điểm bình của các nhà nghiên cứu trước, người viết đưa ra những nhận định và lập luận về một số phương diện liên quan đến phẩm chất tự cường được thể hiện qua sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm. Về các bài thơ và câu thơ của Nguyễn Bình Khiêm được trích dẫn trong nghiên cứu này, người viết đều sử dụng từ tài liệu [3] và [4].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở văn hoá để đi tìm phẩm chất tự cường qua thơ Nguyễn Bình Khiêm

3.1.1. Bản tính tự cường ở vạn vật

Tự cường là bản tính ở vạn vật, làm cho vật tự lớn lên. Triết lí âm dương có thể được xem như cái gốc để lí giải điều này, cũng là cái gốc của Nho và Đạo. Dương trưởng thì âm tiêu, âm trưởng thì dương tiêu, âm dương đắp đổi, chuyển hoá không ngừng, khiến cho vạn vật sinh thành và tăng trưởng đổi thay... Ngoài ra, quan niệm của Phật giáo về tính Phật trong mỗi người cũng có thể góp phần giúp chúng ta hiểu thêm về điều đó. Thảo mộc tự cường trong quá trình sinh trưởng, thích ứng với thổ nhưỡng khí hậu; muông thú tự cường để sẵn mồi tránh hoạ, sinh dưỡng bảo vệ giống nòi; con người tự cường để có thể khoẻ mạnh thân tâm, có thể thỏa chí bình sinh, có thể lập công giương danh, có thể thuận theo đại đạo tự nhiên mà quy ẩn, có thể nuôi dưỡng tán dương Phật tính...

Tuy rằng mỗi người đều có tính tự cường nhưng mức độ biểu hiện khác nhau. Tự khi sinh ra đã bẩm thụ khí chất khác nhau, lại được nuôi dưỡng trong những hoàn cảnh khác nhau, từ sự khác nhau trong hoàn cảnh nhỏ hẹp của gia đình đến sự khác nhau về nơi phong thủy thổ nhưỡng hay nguồn mạch văn hoá dân tộc... từ ấy mà biểu hiện của phẩm chất tự cường cũng phong phú đa dạng, đem lại những giá trị khác nhau cho mỗi người và cho mỗi dân tộc.

3.1.2. Từ hình tượng quân tử "tự cường bất tức" trong Kinh Dịch đến hình tượng nam nhi tự cường trong thơ Ưông Thù đời Tống

Một số nghiên cứu trước đây đã thể hiện Nguyễn Bình Khiêm là người hiểu sâu Kinh Dịch. Chu Thiên cho rằng "... ngay từ thiếu thời, Trạng đã nghiêm nhiên trở thành một nho gia chính truyền, thấu triệt và biến dạng hết tinh thần nho giáo. Cái tinh thần gốc ấy ở Kinh Dịch bút quái, quan niệm vũ trụ theo lẽ động..." [4, tr. 92]. Nguyễn Bích Ngọc nhận định về Nguyễn Bình Khiêm rằng "hiểu biết rất sâu về Kinh Dịch" [2, tr. 56] và "chung quanh Nguyễn Bình Khiêm có nhiều giai thoại, phần lớn nói về tài tiên tri của ông" [2, tr. 14]. Học trò của Nguyễn Bình Khiêm là Đinh Thời Trung cũng nhận định thầy mình "Sáu bộ thi thư suốt nghĩa...", "Một kinh Thái Ất thuộc lòng..." và "Một mình lí học tinh thông..." [4, tr. 84]. Bản thân Nguyễn Bình Khiêm cũng từng khen những người uyên thâm Kinh Dịch [2, tr. 56]. Từ đó, có thể thấy hình tượng quân tử tự cường không ngừng nghỉ trong Kinh Dịch cũng góp phần ảnh hưởng đến sự tu dưỡng phẩm chất này ở Nguyễn Bình Khiêm, cũng là thêm lí do để người viết đi tìm phẩm chất ấy ở thơ ông.

Khi giải thích tượng quẻ Càn (Thuần Càn), Đại tượng truyện viết: *Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức* 天行健，君子以自强不息. Điều này thường được hiểu là bậc quân tử noi theo lẽ trời, luôn tự cường không ngừng, như trời vận hành bốn mùa không ngơi nghỉ [11]. Từ lời tượng, có thể thấy rằng phẩm chất tự cường là phẩm chất của bậc quân tử (không phải của nữ nhân), phẩm chất này có tính cứng mạnh, liên tục, diễn tiến âm thầm, nuôi dưỡng phẩm chất ấy không phải chỉ cho mình mà còn làm lợi lạc cho người cho vật, như đạo trời nuôi dưỡng vạn vật. Quẻ Càn là quẻ đầu tiên trong 64 quẻ Dịch, đem phẩm chất tự cường của quân tử để liên hệ với tượng của quẻ này chứng tỏ rằng phẩm chất ấy rất quan trọng. Quân tử ứng với hai kiểu người. Một là có thể chỉ người sẽ đứng đầu thiên hạ, là con trời, là người sẽ thuận theo lẽ trời, người này có đức tự cường cũng sẽ khiến cho con dân trong thiên hạ noi theo mà cùng tự cường. Hai là có thể chỉ nam nhân có những phẩm chất tốt đẹp mà trong đó không thể thiếu phẩm chất tự cường. Quẻ Càn được tạo nên bởi sáu hào dương, phẩm chất tự cường mang vẻ đẹp dương cương, động chuyển, sáng rõ, nhất định có lúc hiển lộ. Các nghiên cứu về Kinh Dịch đều cho rằng trong tượng của quẻ Càn có tượng của rồng (long) với sự thể hiện mức độ ẩn tàng hoá hiện, từ chỗ còn ẩn giấu (tiềm long) đến khi hiện tại cánh đồng (hiện long tại điền) hoặc đến khi bay nhảy hay ở dưới vực sâu (hoặc được hoặc uyên) cho đến khi bay lên trời (phi long tại thiên), như vậy phẩm chất tự cường có thể biểu hiện rất rõ bằng hình tượng của rồng, biến hoá khôn lường, đây có lẽ cũng là biểu tượng cao quý nhất của phẩm chất này.

Bậc quân tử không chỉ theo lẽ trời mà còn theo lẽ đất. Ngay sau quẻ Càn là quẻ Khôn (Thuần Khôn). Quẻ Khôn được tạo bởi sáu hào âm. Khi giải thích tượng quẻ Khôn, Đại tượng truyện cũng viết: *Địa thế Khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật* 地勢坤，君子以厚德載物 [11, tr.106]. Điều này thường được hiểu là bậc quân tử noi theo lẽ đất, đất dày bình lặng có đức dung chứa vạn vật. Noi theo lẽ đất thì bản tính nhu thuận, tĩnh lặng, thâm hậu, bao dung. Vẻ đẹp phẩm chất tự cường của người quân tử cũng theo đó mà có thêm cái đẹp của âm nhu, ẩn giấu, tĩnh lặng, vững bền. Sự kết hợp hai tính chất của Càn Khôn trong người quân tử khiến phẩm chất tự cường trở nên ưu mỹ, trọn vẹn, hài hoà, người thường khó đoán, khó noi theo. Người có phẩm chất tự cường vừa quyết tâm vừa kiên trì, vừa âm thầm học tập lại vừa biết hành động đúng lúc, vừa cương vừa nhu, vừa động vừa tĩnh, vừa khiêm cung vừa ung dung, không lo sợ, không bị phụ thuộc, là phẩm chất trọng yếu trong việc tu thân.

Phẩm chất tự cường của quân tử trong Kinh Dịch cũng là sự khởi đầu gợi hứng cho sự thể hiện phẩm chất này trong suốt chiều dài lịch sử văn học Trung Quốc, thể hiện gián tiếp qua một số biểu tượng thảo mộc linh thú và vô số hình tượng con người trong văn chương. Đến thời Bắc Tống, nhà thơ Ưông Thù đã trực tiếp nói quan niệm này qua một bài ngũ ngôn của tập *Thần đồng thi* 神童诗.

Triều vi điển xá lang/ Mộ đẳng thiên tử đường/ Tướng tướng bản vô chủng/ Nam nhi đương tự cường [12]. Dịch nghĩa: Sớm (ý nói lúc còn nhỏ) còn làm việc ở vườn ruộng/ Chiều (ý nói lúc đã lớn) đã đứng trong sân chầu vua/ Tướng tướng (ý chỉ những người làm tướng, làm quan) vốn không phải sinh ra đã có giống loại/ Nam nhi luôn phải tự cường (mới có thể có ngày được như quan tướng).

Theo ý bài thơ này mà suy thì việc rèn luyện phẩm chất tự cường phải từ khi còn nhỏ, có thể lấy lao động nơi điền viên sơn thủy làm hoàn cảnh, lại phải có mục đích tráng chí thì mới có thể tự cường. Mỗi ngày, nam nhi đều phải tu dưỡng không ngừng, âm thầm rèn luyện mới có thể có ngày được trọng dụng. Việc có thể trở thành quan tướng hay không, không phụ thuộc vào việc có phải là nòi giống quan tướng hay không, con em nơi thôn dã cũng có thể có ngày được như vậy, đây là một cách nhìn nhận tích cực, phù hợp cho việc dạy nhiều trẻ nhỏ có hoàn cảnh xuất thân khác nhau. Bài thơ này có thể dễ được tra cứu trên các trang mạng điện tử ở Trung Quốc. Ở Việt Nam, trang thivien.net cũng có giới thiệu [13]; cũng tại trang mạng này, về thơ Nguyễn Bình Khiêm, trong *Bạch Vân gia huấn* còn có một bài mở đầu mà trong đó có những câu lấy ý từ bài thơ trên của Ưông Thù. Nếu đúng như vậy thì điều đó càng củng cố thêm cho việc chúng ta có thể đi tìm phẩm chất này qua thơ Nguyễn Bình Khiêm.

Nguyễn Bình Khiêm sinh sau Ưông Thù khoảng 400 năm. Có lẽ Nguyễn Bình Khiêm đã ít nhiều tiếp nhận được cả vẻ đẹp tự cường từ hình tượng quân tử trong Kinh Dịch đến vẻ đẹp tự cường của các nhân vật anh hùng trong lịch sử và của nhiều văn nhân trong văn hoá hay vẻ đẹp tự cường của kiêu thần đồng trong thơ Ưông Thù. Mặc dù vậy, qua thơ Nguyễn Bình Khiêm, chúng ta vẫn có thể cảm nhận được vẻ đẹp tự cường của Nguyễn Bình Khiêm có những nét rất riêng ở nhà thơ, khiến người rất trọng.

3.1.3. Hệ thống biểu tượng về phẩm chất tự cường trong văn học cổ điển Trung Quốc

Phẩm chất tự cường được gián tiếp thể hiện qua các biểu tượng văn học, đó là biểu tượng của rồng, chim hồng, trúc, tùng, mai... Sở dĩ những vật ấy có được ý nghĩa tự cường một phần là vì chính những đặc tính sinh trưởng và hoàn cảnh tồn tại của những vật đó.

Chim hồng bay cao được cũng nhờ có đôi cánh rộng, chí lớn, muốn vượt mây, nhờ gió mây nâng cánh, không bị những miếng ăn nơi thấp kém tầm thường níu giữ, do vậy cũng tránh được họa cung tiền. Từ đó, chim hồng tượng trưng cho nam tử có tráng chí, tự cường. Chí hướng của chim hồng lần đầu được miêu tả trong sách *Lã thị Xuân Thu* (thiên *Sĩ dung*) của Lã Bất Vi, chí hướng ấy "có thể đánh động nhân tâm bởi thật sự hiện hữu" [14]. Sự "đánh động nhân tâm" ở đây là ý nói chí hướng ấy có thể hiểu dụ lòng người, dẫn dắt quy tụ lòng người, còn "thật sự hiện hữu" chủ yếu với nghĩa là hình thức bên ngoài của chim hồng cũng tương đồng với chí hướng bên trong, có thể lôi cuốn người khác. Từ đó mà suy cũng có thể thấy rằng người có chí khí lớn thì ít nhiều chí khí này cũng có phần thể hiện ra bên ngoài, chí khí ấy có thể thu phục hiểu dụ người khác và như thế thì có thể thành công.

Chí lớn của chim hồng, những loài yến tước (chim én, chim sè) không dễ hiểu được, đó cũng là ý mà Sử kí của Tư Mã Thiên đề cập đến (phần Bản ký: Trần Thiệp thế gia) [15, tr. 246]. Ngoài ra, trong Sử kí (phần Bản ký: Lưu Hầu thế gia) còn có đoạn viết về chim hồng với đặc tính bay cao, khi lông cánh đã đủ thì mỗi lần cất cánh là ngàn dặm, vượt qua cả bốn bể, khiến cung tiền cũng không làm gì nổi; hình tượng chim hồng trong phần này có liên quan đến tích sử về Lưu Bang (Hán Cao Tổ), tài liệu [15, tr.259-275] có ghi rõ về tích ấy. Từ những tích trên mà hình tượng chim hồng đến nay vẫn mang ý nghĩa tượng trưng cho chí khí và sự tự cường.

Cây tùng, đặc biệt là tiêu tùng (cây tùng nhỏ) có thể là biểu tượng cho phẩm chất tự cường của con người. Đa phần thơ ca miêu tả tùng khi tùng đã ở sự trưởng thành, có thể làm rường cột vững chắc cho nước nhà, phẩm chất cương kiện, chịu đựng sương gió, nếu không gặp thời có thể mãi ở

lại chốn rừng xanh. Để có được sự trưởng thành như thế, trong từng đã tiềm ẩn phẩm chất tự cường, điều này thể hiện rõ khi nhà thơ miêu tả tiểu tùng. Vốn ưa cảnh tĩnh mịch nơi núi cao rừng sâu, ngạo sương ngêngh tuyết, cội rễ chắc bền, đầu ngọn nhọn như kim, lại mang trong mình chí hướng lãng vãng (vươn tới mây xanh), tiểu tùng lặng lẽ ngày một vươn cao, vượt ra khỏi đám cỏ bông hao, đến khi người khác nhận ra bản lĩnh tự cường và lãng vãng của từng thì đã giật mình kinh ngạc. Bài *Tiểu tùng* của Đỗ Tuân Hạc đời Đường đã thể hiện bản lĩnh này ở tiểu tùng.

Mai trắng (bach mai) là loài ngạo sương ngêngh tuyết, có thể tượng trưng cho cao nhân ẩn sĩ, cô độc nơi núi cao rừng sâu, hao gầy mà rắn rỏi, lặng lẽ tỏa hương, tự cường bền bỉ. Nhiều bài thơ miêu tả bạch mai trong văn học Trung Quốc đã thể hiện những phẩm chất này. Quan niệm "đạp tuyết tầm mai" ca ngợi cả phẩm chất của mai và người tìm mai, trong đó có phẩm chất tự cường.

Cây trúc mang phẩm chất tự cường bởi đặc điểm thân thẳng, lòng rỗng (hư tâm), không mọc quá dày cũng không quá thưa, đủ không gian để có thể tự lớn mạnh, cũng đủ gần gũi với những thân trúc khác (tượng trưng cho sự quần tụ kết giao của các bậc quân tử). Hình tượng trúc quân tử tự cường đã có từ trong Kinh Thi, lại được tiếp nối thể hiện trong suốt lịch sử văn học Trung Quốc.

Những biểu tượng trên có mối liên hệ khá rõ ràng với văn học cổ điển Việt Nam, trong đó có các biểu tượng ở thơ Nguyễn Bình Khiêm. Ngoài ra, trong văn học cổ điển Trung Quốc còn có những biểu tượng như nước, chim bằng, cá côn, cá chép... cũng ít nhiều mang ý nghĩa cho sự tự cường.

3.2. Biểu hiện của phẩm chất tự cường qua thơ Nguyễn Bình Khiêm

3.2.1. Chí hướng

Tự cường và chí hướng là hai điều không tách rời nhau ở con người. Mỗi người đều có tự cường, có chí hướng, khác nhau ở mức độ, biểu hiện và nơi muốn đạt đến. Có người đặt chí ở công đường sân châu, có người đặt chí nơi sa trường biên ải, có người gửi chí nơi điền viên sơn thủy, có người gửi chí bốn phương, có người chí ở tự viện am tranh, có người mong lâu cao gác tía, người mong tìm an ổn thân tâm, người cầu đến trường sinh cùng trăng gió, có người mong đạt hiểu, có người ước tận trung, có người chí như yểm tước, có người chí hồng học xung tiêu...

Nguyễn Bình Khiêm trong lời tựa cho *Bạch Vân am thi tập* đã viết "Thật ra, nói đến cái tâm, chính là nói đến cái chí phải hướng tới. Làm thơ lại là để nói cái chí đó. Chí vốn có nhiều hướng, cho nên có kẻ để chí ở đạo đức, có kẻ để chí ở công danh, có kẻ để chí ở nhàn dật. Riêng tôi, lúc trẻ học ở gia đình, lớn lên thi đỗ và làm quan, lúc về già chí lại hướng tới yên nhàn, thích thú cảnh nước non... qua lời thơ mà nói lên cái chí của mình, được khoảng nghìn bài" [4, tr.5]. Như vậy, chí hướng của Nguyễn Bình Khiêm là không ngừng, cũng tức là tự cường không nghỉ. Các giai thoại về cậu bé Văn Đạt (tên húy của Nguyễn Bình Khiêm thời thơ ấu) ít nhiều thể hiện điều này. Khi Nguyễn Bình Khiêm viết "lúc trẻ học ở gia đình" cũng là gián tiếp nói đến việc tự thân có lòng ham học, ham đọc, có chí hướng và tự cường từ nhỏ (cộng thêm trí tuệ trời sinh và sự giáo dưỡng của hai bên cha mẹ - vốn là những người có gốc nhà Nho). Các giai thoại khi Văn Đạt trưởng thành càng chứng tỏ chí hướng và lòng tự cường của Văn Đạt và "ở tuổi hai mươi, Văn Đạt đã tiến tới có những suy nghĩ mực thước về cuộc đời với cái tuổi tự lập như sách *Luận ngữ* đã chỉ ra" [1, tr.33]. Những giai thoại khi Văn Đạt học với các bạn dưới sự dạy dỗ của quan Bảng nổi tiếng Lương Đắc Bằng đều ít nhiều chứng tỏ cái chí khí tự cường của Văn Đạt. Giai thoại liên quan đến bài thơ *Kê noãn* (vịnh quả trứng gà) của Văn Đạt là giai thoại rất thú vị được làm khi Văn Đạt học với quan Bảng họ Lương, chỉ vịnh quả trứng gà thôi mà Văn Đạt đưa vào quả trứng cả "thiên địa", "thái cực", "lưỡng nghi", rồi lại cả cái chí "xung tiêu" với "phụ Thái Dương" nữa; đến khi Văn Đạt mở lớp dạy thế hệ sau, chính học trò của thầy Văn Đạt đã từ bài thơ này mà khen cái chí của thầy mình cũng là chí "xung tiêu" tức là cái chí xông chín tầng mây để "phụ Thái Dương" (giúp vua), chỉ là thời điểm ấy "chưa xuất đầu lộ diện đó thôi" [1, tr.72-73]. Qua bài thơ *Kê noãn*, chúng ta thấy cả một hành trình tự cường để từ quả trứng gà thành kim kê với những sự biến hoá đầy vi diệu, cả quả trứng được thầy Văn Đạt coi như Thái cực đồ, chí khí tự cường có cả trong đó vậy.

Trong những năm làm quan dưới triều Mạc (các nghiên cứu trước cho rằng Nguyễn Bình Khiêm cả thầy làm quan chỉ chưa đầy 8 năm), khi ông dâng sớ xin chém 18 lộng thần không được ông đã từ quan về ở ẩn. Chỉ riêng việc dâng sớ này thôi đã đủ thấy Nguyễn Bình Khiêm dũng cảm thế nào, lòng tự cường khiến ông một mình dám vạch tội cả 18 lộng thần, khiến ông không cùng muốn đứng châu với những kẻ ấy, cũng đủ cho ông từ quan không hề tiếc nuối, ra về mà vẫn ung dung không hề sợ hãi sự thù địch (trước đó đã có thầy Chu Văn An đòi Trần dâng sớ mong vua Trần chém 7 nịnh thần không được nên thầy đã từ quan ở ẩn, như vậy lý do quy ẩn đó của thầy Chu Văn An không hề làm Nguyễn Bình Khiêm nao núng).

Sau khi từ quan, yên vui với quán Trung Tân và dạy học tại am Bạch Vân, chí hướng của Nguyễn Bình Khiêm quả là hướng tới yên nhàn, vui thú nước non. Lòng tự cường không tách rời thú nhàn ỉn, cũng không tách rời với sự tự lực trong cuộc sống thường ngày. Các biểu tượng cho phẩm chất này được thể hiện rất khéo, được miêu tả cùng với hình ảnh một Nguyễn Bình Khiêm an nhàn tự tại, tự làm nhiều việc đời thường.

3.2.2. Hệ thống biểu tượng trong thơ

Về biểu tượng long (rồng), do biểu tượng rồng trong quẻ Thuần Càn mà rồng có ý nghĩa về sự biến hoá, sự tự cường. Rồng khi ẩn nhẫn, khi lộ diện, khi nơi này, khi nơi khác, khi mang hình sông thế núi, khi mang hình mây trên trời, khi nằm khi bay, tự có uy dũng, muôn vật không sánh bằng. Trong quan niệm dân gian, rồng mang đầu sư tử, mình rắn, vảy cá chép, vuốt đại bàng, rắn muốn tu luyện thành rồng (khi chưa thành rồng thì thành giao long), cá chép muốn vượt vũ môn thành rồng, rồng làm mây làm mưa, phun lửa nhả ngọc, sức mạnh và sự biến hoá là khôn lường. Rồng có được những điều như vậy, cũng do tự thân tự cường mà có được. Con người có sức mạnh gì cũng phải là kết quả của một quá trình lâu dài tự cường tự lực, ẩn nhẫn luyện rèn, không phải tự nhiên mà có. Biểu tượng rồng trong thơ Nguyễn Bình Khiêm xuất hiện không nhiều nhưng rất khéo, có khi được tả trực tiếp:

Rồng thiêng dành sức chờ xuân noãn (Thơ Nôm, bài 63),

Long miên Thạch Động vân vô tích (Rồng ngủ ở Thạch Động, không có mây bay – Thơ chữ Hán, bài *Trung Tân quán ngụ hứng*, bài thứ 51).

Có khi rồng được thể hiện qua biểu tượng về am Bạch Vân - với nghĩa là am mây trắng - vì rồng và mây cùng sự biến hoá vô lường, vừa còn đã mất, vừa hình này lại hình khác, vừa nơi này lại nơi khác, có thể ở trên trời cao, có thể ở dưới vực sâu (mây in xuống vực thì như mây dưới vực) nên nói đến am Bạch Vân cũng là gián tiếp nói đến biểu tượng rồng, cũng có khi qua tên địa danh là chốn Nam Dương (chốn mà Ngọa Long tiên sinh – Khổng Minh thời Tam Quốc - lánh mình khi chưa ra giúp Lưu Bị, nên nói đến Nam Dương tức là cũng hàm ý nói đến hình tượng rồng nằm hay Khổng Minh vậy - *Lánh chốn Nam Dương một lều* (Thơ Nôm, bài 25).

Cũng có khi rồng được thể hiện qua một vật nhỏ nhưng thân thiết là cây gậy trúc. Trong bài *Trúc thượng*, Nguyễn Bình Khiêm miêu tả cây gậy trúc có đốt thẳng thân rồng, làm từ thân trúc xanh như ngọc bích (ông lại liên hệ với điển tích về Phí Trường Phòng đời Đông Hán – là người học đạo thành tiên, được thầy dạy cho một chiếc gậy trúc, Trường Phòng cười gậy ấy bay về nhà, về đến nhà thì ném gậy ấy vào đất Cát Bi, chẳng ngờ gậy ấy thoát biến thành rồng xanh bay đi mất, ở đây tuy Nguyễn Bình Khiêm không nói rằng đầu gậy trúc có hình đầu rồng nhưng chúng ta có thể hiểu rằng khi làm gậy trúc, người ta thường để đầu gậy hình rồng, có thể tô vẽ hình rồng hoặc đeo gọt phần gốc trúc làm hình đầu rồng, dùng phần rễ trúc làm râu rồng).

Về các biểu tượng tùng trúc cúc mai, ý nghĩa thường rất phong phú, trong thơ Nguyễn Bình Khiêm cũng vậy. Lê Văn Tấn trong tài liệu [5] thì khai thác ý nghĩa trên phương diện tượng trưng cho sự ẩn dật và cao khiết, ở đây chúng ta có thể nhìn nhận thêm ý nghĩa về sự tự cường của các biểu tượng ấy:

Trúc mai làm bạn, hứng thơ nồng (Thơ Nôm, bài 30),

Mai bạc lạnh quen nhiều tháng tuyết/ Cúc vàng thơm đổi mấy phen hoa (Thơ Nôm, bài 140),

Hoa mai bạc, vì trắng tỏ/ Bóng trúc thưa, bởi gió lay (Thơ Nôm, bài 70),

Tối ái hàn song mai sổ điểm/ Giá ban lãnh đạm lưỡng tương nghi (Thích biết bao mấy cảnh hoa mai ngoài cửa sổ/ Hoa và người đều lãnh đạm rất hợp nhau – Thơ chữ Hán, *Ngụ hứng* bài 8),

Kình tiết khắng dung phạm tục mị/ Hư tâm tự hữu lão thiên tri (Đốt trúc rất cứng, không chịu uốn theo thói phạm tục/ Lòng trúc trống không chỉ có trời già mới hiểu – bài *Trúc thượng*).

Trong bài *Tùng* (Thơ chữ Hán), Nguyễn Bình Khiêm còn miêu tả tùng cao mười trượng, các loài cây khác đều thua về hùng dũng, có thể dùng tùng làm cột chống đỡ hai bên tả hữu của cung đình (ý nói giúp vua), có thể tìm thấy phục linh hỗ phách nơi tùng để chữa bệnh cho nước cho dân (nấm phục linh mọc trên cây tùng là vị tiên thượng phẩm, nhựa tùng lâu năm dưới đất thành hổ phách, không chỉ trang sức mà còn được đốt lấy khói để chữa bệnh), có thể làm bạn với tùng và với hạc (hạc đậu trên tùng). Không phải loại cây ngàn năm không có được hình dạng và những thứ quý hiếm như vậy, không ẩn nơi rừng sâu cũng không tồn tại được lâu như vậy, không gặp người quân tử hiểu mình thì tùng cũng không được đề cao như vậy. Phẩm chất của tùng rất nhiều, bản lĩnh tự lẫm vẫm của tùng có thể còn được vua chúa, trời cao hiểu (trời sẽ thấy tùng rõ nhất vì tùng vươn tới mây xanh), cứ thế mà suy thì sự tự cường bền bỉ sẽ là điều kiện rất quan trọng để bậc quân tử được bề trên biết đến.

Với sự chịu đựng sương giá băng tuyết, sự cô độc, rắn rỏi cương nghị, đầu nhọn gốc sâu (tùng), cành ngang (cành mai) thân thẳng (thân trúc), có đủ không gian để tự cường, có đủ thử thách để tồn tại lâu bền, các biểu tượng thảo mộc ở trên mang ý chỉ phẩm chất tự cường rất khéo. Hình dạng của tùng là hình dạng đề lẫm vẫm, thể dọc ngang (tung hoành) của trúc mai nếu kết hợp cùng nhau sẽ là thể có thể chuyển xoay trời đất, thói quen đón gió ngậm sương không những có thể giúp mình bền vững mà còn có thể có lúc che được cho vật khác, ẩn nhẫn giấu mình là để có thời gian tu dưỡng tự cường. Từ các biểu tượng thảo mộc ở trên, chúng ta có thể thấy rằng con người có thể hoà mình vào tự nhiên để nuôi dưỡng sự tự cường, lấy môi trường tự nhiên trong sạch làm nơi sinh tồn, học tập sự tự cường từ thảo mộc, nhờ thảo mộc thể hiện sự tự cường thì không có lỗi hoặc đắc tội với người, cũng không để người xem nhẹ. Sống cùng với những loài thảo mộc thanh cao, đó là một cách Nguyễn Bình Khiêm thể hiện tự cường, giống như nhiều văn nhân Trung Quốc thời trước. Nhưng có lẽ một trong những sự khác biệt của Nguyễn Bình Khiêm là ông cùng những loài thảo mộc thanh cao ấy không hoàn toàn cô lập với người, không quá thoát tục kiểu "mai thê hạc tử" như Lâm Bô trên Cô Sơn, cũng không quá cao khiết đến có phần nghèo khổ để người dễ thương cảm hay đơn thuần một màu đạm bạc như một số văn nhân khác. Kiểu tự cường cùng thảo mộc của Nguyễn Bình Khiêm là kiểu tự cường của con người khi đã lui về trong trạng thái vui nhàn và biết rõ thời vận chứ không u hoài thế sự, cũng không phải là kiểu tự cường của nam nhân lúc còn đang nhỏ tuổi (nam nhi) và cần tự thân hành động nhiều điều như thơ *Uông Thù* đã dạy (*Uông Thù* viết gần 40 bài thơ, dạy trẻ lập chí, chăm đọc sách, tin tưởng vào việc thiện từ trọng anh hào, sẵn sàng đăng khoa ứng thí...).

Ngoài việc dùng các biểu tượng trên, Nguyễn Bình Khiêm còn khéo đưa vào thơ những từ chỉ người có chí tự cường nhưng đã ở ẩn, đó là "quân tử", "trượng phu", "anh hùng" và nhiều tên tuổi ẩn sĩ trong lịch sử văn hoá Trung Quốc.

3.2.3. Con người tự lực trong cảnh ẩn nhàn và những thú vui bồi dưỡng sự tự cường

Mang vẻ đẹp dương cương và âm nhu, phẩm chất tự cường tùy thời tùy người mà biểu lộ khác nhau. Tự cường không chỉ là lẫm vẫm, lộ diện, cử đầu, thẳng thế... mà còn có thể là ẩn nhẫn, lánh đời, nhường người, khiêm cung, cúi đầu, lui gót... Không ít người đã cho rằng sự ẩn còn vượt xa hơn sự nhập thế lập công, công thành thân thoái là minh triết, chính Nguyễn Bình Khiêm cũng có hàm ý ấy khi cho rằng "Thanh vân thanh tự bạch vân nhân" (Thơ chữ Hán – bài *Tự thuật*) và "Thanh vân thanh tự bạch vân cao" (Thơ chữ Hán – bài *Lý cư giản cư đồng chí*). Con đường thanh vân là con đường lập công giương danh, dù công cao cũng không cao bằng con đường quy ẩn, cái nhàn của thanh vân chưa được như cái nhàn của bạch vân. Khi viết về sự ẩn dật của Nguyễn Bình Khiêm, Lê Văn Tấn cho rằng "ẩn là đứng cao hơn thế tục" [5, tr.61]. Như vậy, có lẽ sự tự cường trong cảnh quy ẩn còn cao hơn cả sự tự cường khi kiếm bước thanh vân.

Lịch sử văn hoá cho thấy phẩm chất tự cường được bồi dưỡng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, hoặc trong thử thách khắc nghiệt, hoặc trong thanh đạm bình yên, hoặc trong đua tranh, hoặc trong cô độc, hoặc gần núi nước, hoặc gần người trí nhân, hoặc lấy cung tên vó ngựa làm tiêu khiển, hoặc lấy cầm kỳ thi họa làm vui, hoặc lấy binh thư võ lược làm trọng yếu, hoặc lấy văn chương thi phú làm thói quen, hoặc nơi sa trường biên ải, hoặc nơi cung điện thêm rồng, hoặc cảnh tượng tươi đẹp, hoặc cảnh tượng điêu tàn... Đối với Nguyễn Bình Khiêm, phần lớn cuộc đời của ông là ẩn dật nên chúng ta cũng có thể tìm hiểu sự tự cường của ông trong hoàn cảnh ẩn dật đó. Phẩm chất này thể hiện qua việc ông tự lực làm lấy những việc thường ngày phục vụ cuộc sống đạm bạc, qua việc đọc sách trồng cây, thưởng thanh phong minh nguyệt, xem cá, đánh cờ, bèn bĩ dạy học trò, đãi người tiếp vật...

Ông thường tự trồng những loại cây ưa thích, tự làm những việc cho thú tao nhã của bản thân:

Hoa trúc thủ tự thực/ Trượng lý tập hoa hương/ Trần giả xâm hoa sắc/ Điều tị phanh trà yên/ Ngự thôn tảo nghiên mặc/ Khiến hứng nhậm thi cuồng (Hoa trúc tự tay giồng/ Gậy dếp bén mùi hoa/ Chén cốc ánh sắc hồng/ Rửa nghiên, cá nuốt mực/ Pha trà, chim lánh khói – *Trung Tân ngụ hứng*).

Ông tự tay trồng hoa và trúc, mỗi lần chống gậy trúc thăm hoa thì khi về cả gậy trúc và dếp bén mùi hoa (nói tự tay trồng cũng nghĩa là sẽ tự tay chăm sóc, ngắt tỉa), khi uống rượu thì sắc hoa phản chiếu vào chén rượu, mỗi khi pha trà thì chim vì sợ khói mà lánh chỗ khói (nghĩa là ông tự tay đun nước pha trà, cũng nghĩa là đã nhiều lần làm việc đó, đến nỗi chim tạm lánh màu và mùi khói – cũng có nghĩa là lúc thường thì người và vật hoà hợp với nhau, chim dù tạm lánh khói cũng vẫn là quanh quẩn bên người, phải là cảnh tượng quen thuộc thì mới như vậy), mỗi khi rửa nghiên mực thì cá đến đớp tương như nuốt phải mực (nghĩa là ông tự rửa nghiên và tự rửa nhiều lần thì cá mới quen đến đớp, đó không chỉ là sự hoà hợp giữa người với vật mà còn là sự diễn tả một thói quen đẹp và có ý nghĩa, mà nói đến rửa nghiên cũng tức là gián tiếp nói đến việc mài mực và chuẩn bị giấy bút, nói đến việc làm thơ hoặc viết chữ dạy học trò, thậm chí là gián tiếp nói đến cả việc dọn dẹp thư phòng). Ngoài ra, nói đến trồng hoa, chăm hoa, thưởng trà, nghiên bút cũng tức là nói đến những việc cần phải kiên trì, cẩn thận, chú tâm. Việc làm thơ hay viết chữ còn đòi hỏi và thể hiện nhiều điều thú vị, mỗi chữ hay mỗi bài thơ còn có thể liên quan đến thư pháp, đến việc sử dụng nội lực hoặc công phu trong từng nét, sự cương nhu trong từng nét chữ mà mực tàu bút lông thể hiện là tương đối rõ, bao phẩm chất con người cũng theo nét viết ấy mà thể hiện ra, trong đó có phẩm chất tự cường.

Không chỉ tự làm những thú vui tao nhã kiểu văn nhân truyền thống, Nguyễn Bình Khiêm còn thường xuyên làm những việc vừa để sinh nhai đạm bạc vừa để giải trí như câu cá, cuốc vườn, mua tôm cá, củi đuốc... Hiếm có nhà thơ nào lại kể ra nhiều việc tự làm trong cuộc đời thường như vậy nhưng cũng từ đó mà cảnh tượng sinh hoạt tươi vui của nông thôn hiện ra "chân thực" và "mùa nào thức ấy, nông thôn cung cấp cho con người đầy đủ hứng thú và nhu cầu" [2, tr.166-167]. Ngoài ra, trong những việc như tìm đất cất lều, trồng cây chắn gió che hoa, dựng quán Trung Tân, làm am Bạch Vân, lập bia đá, trồng cây đa, giúp dân mở chợ... đều có sự tham gia của bàn tay và trí tuệ đầy chất phong thủy và thẩm mỹ của Nguyễn Bình Khiêm. Con người tích cực lao động thủ công và luôn rèn luyện trí tuệ như vậy sẽ khiến bản thân luôn có sự tự cường. Nguyễn Bình Khiêm luôn hài hoà giữa rèn luyện tinh thần và thể chất, sự lao động của Nguyễn Bình Khiêm đem lại lợi lạc cho mình, cho người, cho vật, chẳng những cho cuộc bình sinh của ông khi ấy mà còn để lại những giá trị cảnh quan thẩm mỹ cho đời sau, khiến người sau ngưỡng mộ và học tập.

Nguyễn Bình Khiêm là người uyên bác trong nhiều lĩnh vực văn hoá Trung Quốc, cũng gắn bó với cuộc sống dân dã nơi đồng bằng miền Bắc nước ta, ông chú trọng đến việc dưỡng tính thần và thể chất bằng những điều rất bình dị nhưng ý vị sâu xa. Từ món ăn tứ mùa được tìm kiếm hoặc trao đổi nơi điền viên tới những thứ sơn hào hải vị thanh tao được ông sử dụng có vẻ như hợp thời, hợp lượng, hợp cảnh, hợp thân, hợp tâm và luôn ở trạng thái "đủ" (tức) rất minh triết:

Sinh nhai tiện túc bất vi bản (Trung Tân quán ngụ hứng, bài 1),

Sinh nhai tiện túc khởi cùng cư (Trung Tân quán ngụ hứng, bài 75).

Nếu như tìm hiểu sâu về quan niệm dưỡng sinh từ ẩm thực của Nguyễn Bình Khiêm, ta có thể thấy ở đó nhiều điều thú vị. Nguyễn Bình Khiêm nói nhiều về sự ẩm thực, kín đáo thể hiện việc dưỡng sinh. Bài *Dưỡng lão thi* của ông rất có ý nghĩa, là sự kết hợp hài hòa của tư tưởng dưỡng sinh theo Nho, Phật và Đạo:

Bế tinh, dưỡng khí lại tồn thân/ Quả dục, thanh tâm, chớ nhọc thân/ Ăn cốt vừa no, đừng lăm thử/ Rượu nên uống ít chỉ vài phân/ Ngày thường vui vẻ hay cười nói/ Lòng hãy lâng lâng chẳng giận hờn/ Oi bức, kệ thay đời biến trá/ Theo ta, nhàn bước quá trăm xuân (Hùng Nam Yên dịch).

Ông sống thọ chứng tỏ ông dưỡng thân tâm phải đạo, thuận tự nhiên, cũng chứng tỏ trong ông có sự tự cường bền bỉ. Những nhà Nho ẩn dật dưỡng thân tâm được như ông thực cũng không nhiều.

Ông còn dưỡng thân tâm bằng nhiều điều khác nữa. Ông nói nhiều đến việc đọc sách (đây cũng là điều không thể thiếu đối với sự tự cường), lại là đọc những thứ sách quý, lược thao kinh sử; ngoài ra, ông còn nói đến đàn, cờ, làm thơ, đều là những thứ người xưa dùng để tu tâm dưỡng tính:

Đồ thư một cuốn, nhà làm của (Thơ Nôm, bài 45), *Ăn cũ giờ xem ba quyển sách* (Thơ Nôm, bài 37), *Ngắm nghĩ năm pho kinh sử/ Tập tành ba quyển lược thao* (Thơ Nôm, bài 63), *Song hiên ngỏ cửa ngòi xem sách* (Thơ Nôm, bài 66), *Quyển vàng giảng giải đạo làm người* (Thơ Nôm, bài 121), *Đồ thư hội đặc cổ kim tình* (Thơ chữ Hán, *Ngự hứng* bài 5), *Giang sơn như họa bút sinh hương* (Thơ chữ Hán, *Ngự hứng* bài 1), *Môn trung ngâm vịnh bút sinh hương* (Thơ chữ Hán, *Tự thuật* bài 3), *Tam xuân noãn nhập cựu thư lâu* (Thơ chữ Hán, *Tự thuật* bài 5), *Tuý lý cảm kỳ trường độ nhật* (Thơ chữ Hán, *Tự thuật* bài 1), *Bàn cờ, cuộc rượu vầy hoa trúc* (Thơ Nôm, bài 29)...

Nếu chẳng phải lúc tự mình đánh cờ thì cũng có lúc là người xem đánh cờ (quan kỳ); nếu chẳng tự mình vẽ thì cũng là người xem tranh mới thấy rằng "giang sơn như họa, bút sinh hương"; nếu chẳng tự mình đàn thì cũng có lúc nấu chôn lâm tuyền nghe tiếng trúc tiếng thông mà tưởng như đàn sáo, nếu lúc không tự mình ngắm nghĩ thì cũng có lúc tìm người luận đạo (Thơ Nôm, bài 126). Chẳng những nhàn dật ở cảnh tượng quê nhà mà Nguyễn Bình Khiêm còn tìm đến những nơi thanh vắng chốn sơn lâm, dạo với nước non, thăm chùa viếng cảnh, coi nước biếc non xanh mới thực là bạn hiền mình (*Nước biếc non xanh ấy có tri* – Thơ Nôm, bài 84). Sự hun đúc của đất trời, của giang sơn cầm tú, sự tự cường của thảo mộc tự nhiên cũng thấm vào con người của Nguyễn Bình Khiêm.

Nguyễn Bình Khiêm xử kỉ, tiếp vật, đãi nhân đều thuận đạo. Ông cho mình đủ sự cô độc nhưng cũng đủ sự gần gũi với người thân, học trò, làng xóm, hương thôn và ngư tiều để lợi dưỡng tinh thần tự cường. Như thân trúc mọc đủ thưa để cô độc và để lớn lên, đủ dày để dễ bề được các thân trúc khác tương hỗ, người tự cường biết dành đủ sự cô độc để tự tu dưỡng và bảo toàn nguyên khí, cũng đủ gần gũi với bằng hữu và xung quanh để được cậy nhờ và cũng tự mình muốn chở che cho họ.

So với nhiều văn nhân trong văn hoá Trung Quốc, Nguyễn Bình Khiêm ẩn mà vui, cuộc sống vật chất của ông được miêu tả trong thơ vừa thanh đạm lại vừa sung túc, điều này có lẽ từ nhiều lí do nhưng trong đó có thể có một số lí do như sự lạc quan trong tinh thần của ông, sự tự cung tự cấp được các sản vật, sự hiểu biết về dưỡng sinh, sự phi nhiêu của môi trường tự nhiên..., chính những điều đó cũng góp phần làm cho phẩm chất tự cường trong con người ông thêm tỏ rõ.

Tự cường để phát triển thiên tính tốt đẹp trong con người. Có lẽ rằng Nguyễn Bình Khiêm là người đã cố gắng phát huy những gì mà ông được thừa hưởng từ linh khí trời đất núi sông nước Việt và từ những giá trị ưu tú của dòng họ nội ngoại. Ông đã đem tài đức tô điểm lại cho trời đất núi sông và làm rạng danh cho dòng họ, quê nhà, đất nước. Tự cường giúp bảo tồn và làm nguyên khí thêm hưng thịnh.

Tự cường để có thể đạt chí hướng. Tự cường càng sớm, càng cao, càng bền bỉ thì thành tựu được càng giá trị. Tự cường để có sẵn sức mạnh tinh thần, trí tuệ và thể chất đứng vững trước mọi thay đổi của thời cuộc. Nguyễn Bình Khiêm sinh trong thời mà cả mấy tập đoàn phong kiến đều muốn mở mang thế lực, tuy ông muốn cống hiến tài năng cho nhà Mạc nhưng cũng sẵn sàng từ chối việc tiếp tục làm quan cho nhà Mạc vì xét thấy không thể đứng cùng những kẻ lộng thần và vì sự ít nhiều hiểu được vận mệnh của nhà Mạc. Ông ở ẩn một cách ung dung, tự tại, điềm

nhien, không lo sợ trước những sự đổi thay, không lo bất kỳ thế lực nào thù địch, không lo vật chất tầm thường, vui vẻ thân tâm hướng tuổi trời. Tự cường còn để giúp người giúp đời, để có thể trở thành trụ cột cho nước nhà, như cây tùng phải tự cường thì mới lẫm vẫm, mới có tài lương đồng. Vì thế, tự cường cũng là trách nhiệm của mỗi con người, đặc biệt là những bậc quân tử, trượng phu, nam nhi, hiền tài.

4. Kết luận

Tự cường là phẩm chất ẩn chứa trong mỗi người, cũng là phẩm chất rất được coi trọng trong nền văn hoá Trung Quốc, gắn với hình tượng quân tử, nam nhi. Vẻ đẹp của phẩm chất tự cường thể hiện ở cả vẻ đẹp của âm và dương, cương và nhu, lộ và ẩn, động và tĩnh, võ và văn... Thơ Nguyễn Bình Khiêm thiên về sự thể hiện vẻ đẹp tiềm ẩn của sự tự cường, chủ yếu gắn với cuộc sống nhàn dật của tác giả. Từ các biểu tượng của phẩm chất tự cường được miêu tả trong thơ đến hình tượng một con người tự lực yêu lao động và luôn tu dưỡng cùng thi (thơ) thư (sách) kỳ (cờ) giáo (dạy học), từ những giai thoại khi sinh thời của Nguyễn Bình Khiêm đến những bài học giáo dưỡng ông để lại qua thơ văn, từ cảnh quan tự nhiên nơi am Bạch Vân và quán Trung Tân đến những nơi non xanh nước biếc mà Nguyễn Bình Khiêm đã thăm viếng hay cả thời gian mà ông làm quan dưới triều Mạc đã gián tiếp thể hiện vẻ đẹp về phẩm chất tự cường của Nguyễn Bình Khiêm, từ đó ít nhiều thể hiện giá trị và các điều kiện để tu dưỡng và phát triển phẩm chất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. N. Bui, *The story of famous man Nguyen Binh Khiem*. Hai Phong: Hai Phong Publishing House, 1986.
- [2] B. N. Nguyen, *Nguyen Binh Khiem - famous person in Vietnamese history*. Ha Noi: Information culture Publishing House, 2012.
- [3] G. K. Dinh, N. S. Ho, and D. T. Bui, *Nguyen Binh Khiem's poetry*. Ha Noi: Literature Publishing House, 1983.
- [4] V. N. Bui, *Nguyen Binh Khiem's poetry - poetry in Chinese characters*. Ha Noi: Ha Noi Publishing House, 1992.
- [5] V. T. Le, "Nguyen Binh Khiem with "Bach Van's Nom poem anthology: Forms of seclusion," *Ho Chi Minh City University of Education - Journal Science*, vol. 73, no. 7, pp. 58-67, 2015.
- [6] T. P. T. Dinh, "The ideology of people-closeness in Nguyen Binh Khiem's poetry," *HNUE Journal of science*, vol. 64, no. 5, pp. 91-97, 2019.
- [7] K. C. Nguyen, "The development of literary Vietnamese language in the XVI century, from a comparative perspective between "Quoc am thi tap" and "Bach Van quoc ngu thi"," *CTU Journal of Science-CTUJoS*, no. 24b, pp. 64-71, 2012.
- [8] C. L. Nguyen, "Zen - Buddhism performance in the poetry Nguyen Binh Khiem," *Van Hien University Journal of Science*, no. 7, pp. 26-29, 2021.
- [9] T. H. Le, "Nguyen Binh Khiem's philosophical poetry in the flow of medieval literature," *Scientific Journal of Hanoi Metropolitan University*, no. 26, pp. 51-61, 2018.
- [10] T. H. Dinh, "Teacher respecting virtue in Nguyen Binh Khiem funeral oration by Dinh Thoi Trung," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 209, no. 16, pp. 115-122, 2019.
- [11] H. N. Lu and C. D. Phan, *Kinh Dich complete set, translated and annotated by Ngo Tat To*. Ha Noi: Literature Publishing House, 2022, pp. 66-67.
- [12] Z. Wang, *Poetry about prodigies*. [Online]. Available: <https://baike.baidu.com/item/神童诗>. [Accessed September 10, 2023].
- [13] Z. Wang, "thivien.net," February 03, 2022. [Online]. Available: <https://www.thivien.net/U%C3%B4ng-Th%C3%B9/author>. [Accessed September 10, 2023].
- [14] N. Phan, *La Bat Vi - La thi Xuan Thu*. Ha Noi: Literature Publishing House, 2023, pp. 506.
- [15] N. Phan, *History recorded by Tu Ma Thien*. Ha Noi: Literature Publishing House, 2012, pp. 246.